

Số/No.: 620 /2026/CBTT-NHNA

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Ho Chi Minh City, March 30th, 2026**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

1. **Tên tổ chức phát hành/Name of organization:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á/
Nam A Commercial Joint Stock Bank.
 - Mã chứng khoán/Stock code: NAB.
 - Địa chỉ/Address: 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh/201-203
Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.
 - Email: namabank@namabank.com.vn
2. **Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:**

Ngày 30/03/2026, Ngân hàng TMCP Nam Á công bố thông tin định kỳ năm 2025 về tình hình tài chính, tình hình thanh toán gốc lãi, tình hình thực hiện cam kết với người sở hữu trái phiếu đối với các trái phiếu còn dư nợ và tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu. Để thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định, Ngân hàng TMCP Nam Á kính gửi đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội văn bản sau:

On March 30th, 2026, Nam A Commercial Joint Stock Bank disclose the Periodic information disclosure for the year ended 2025 regarding the bank's financial conditions; principal and interest payment status; information disclosure regarding the implementation of commitments to investors and the status of using funds raised from bond issuance status. To disclose the information in accordance with the regulations, Nam A Commercial Joint Stock Bank respectfully sends to the Hanoi Stock Exchange the documents as listed below:

- + Công văn số 707/2026/CV-NHNA-TT.13 ngày 30/03/2026 về việc Công bố thông tin về tình hình thực hiện các cam kết với người sở hữu trái phiếu/ Official dispatch No. 707/2026/CV-NHNA-TT.13 dated March 30th, 2026, on Information disclosure regarding the implementation of commitments to investors.
 - + Công văn số 708/2026/CV-NHNA-TT.13 ngày 30/03/2026 về việc Công bố thông tin về tình hình tài chính/ Official dispatch No. 708/2026/CV-NHNA-TT.13 dated March 30th, 2026, on Disclosure of financial conditions.
 - + Công văn số 709/2026/CV-NHNA-TT.13 ngày 30/03/2026 về việc Công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp/ Official dispatch No. 709/2026/CV-NHNA-TT.13 dated March 30th, 2026, on Disclosure of principal and interest payments status.
 - + Công văn số 710/2026/CV-NHNA-TT.13 ngày 30/03/2026 về việc Công bố thông tin về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu/ Official dispatch No. 710/2026/CV-NHNA-TT.13 dated March 30th, 2026, on Disclosure of information on using funds raised from bond issuance status.
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Nam Á:
<https://www.namabank.com.vn/>

This information has been published on the company's website as in the link: <https://www.namabank.com.vn/>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/To:

- Như Kính gửi/*As the Greetings part;*
- Lưu/Archived: VP HĐQT/Office of BOD.

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/NAM A BANK

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/

Authorized Person to disclose information

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT/

Vice Chairwoman



Võ Thị Tuyết Nga

NAM A BANK

NAM A BANK – HỘI SỞ/HEAD OFFICE

201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, TP.HCM

201-203 Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, HCMC

[T] 028 3929 6699 - [F] 028 3929 6688

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Independence – Freedom – Happiness

Số:/No.: 708/2026/CV-NHNA-TT.13

V/v:/Ref: Công bố thông tin về tình hình tài
chính/Disclosure of financial conditions

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2026

HCMC, March 30th, 2026

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Nam Á gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

Pursuant to Circular No. 76/2024/TT-BTC dated 06th November 2024 promulgated by Ministry of Finance providing guidelines on information disclosure and reporting on private placement and trading of privately placed corporate bonds in domestic market and offering corporate bonds in international market, Nam A Bank hereby periodically discloses information on of financial conditions:

1. Thông tin về doanh nghiệp/Business Information

- Tên doanh nghiệp/Business name: Ngân hàng TMCP Nam Á/Nam A Commercial Joint Stock Bank.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số/Operating License No.: 18/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 13 tháng 04 năm 2023 và Quyết định số 2933/QĐ-NHNN ngày 06/08/2025 của NHNN về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Nam Á/No. 18/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank (“SBV”) on April 13th, 2023 and Decision No. 2933/QĐ-NHNN dated August 06th, 2025, of the SBV regarding the amendment of the Charter Capital in the Establishment and Operation License of Nam A Commercial Joint Stock Bank.
- Địa chỉ trụ sở chính/Head office address: 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM/201-203 Cach Mang Thang Tam Street, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City.
- Số điện thoại/Telephone: (84-28) 3929 6699; Fax: (84-28) 3929 6688;
- Địa chỉ thư điện tử/ Email: namabank@namabank.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp/Type of business: Ngân hàng thương mại, công ty đại chúng/Commercial Joint Stock Bank, Public listed company
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính/Main business activities: Hoạt động ngân hàng, hoạt động trung gian tiền tệ khác, kinh doanh mua bán vàng miếng, cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng/Banking operations, other monetary intermediation activities, trading of gold bars, leasing out unused portions of the bank's business premises.
- Mã số thuế/Tax Identification Number: 0300872315

2. Tình hình tài chính/Financial conditions

- Kỳ báo cáo/Reporting period: kỳ báo cáo năm từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025/ Annual reporting period from 1st January, 2025 to 31st December, 2025).
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo/Basic financial indicators of the enterprise during the reporting period:

Chỉ tiêu/Financial indicators	Kỳ trước 31 tháng 12 năm 2024/Previous period 31 th December 2024	Kỳ báo cáo 31 tháng 12 năm 2025/Reporting period 31 st December 2025
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)/Owner's equity (dong)	19.288.533.000.000	23.430.767.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Capital	13.725.604.000.000	17.156.963.000.000
Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế/Funds from after-tax profits	2.174.392.000.000	2.578.191.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Undistributed earnings	3.388.537.000.000	3.695.613.000.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản/Impairment of assets	0	0
Chênh lệch tỷ giá/Foreign exchange differences reserve	0	0
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)/Total liabilities (dong)	225.840.450.000.000	394.902.555.000.000
Nợ vay ngân hàng/Borrowings from other credit institutions	39.196.315.000.000	157.154.091.000.000
Nợ vay từ phát hành trái phiếu/Borrowings from bond issued	3.960.000.000.000	4.760.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước/Privatey issued bond in domestic market	3.960.000.000.000	3.760.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước/Public issued bond in domestic	0	1.000.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế/Issued bond in international market	0	0
Nợ phải trả khác/Other liabilities	182.684.135.000.000	232.988.464.000.000
+ Tiền gửi của khách hàng/ Due to customers	158.334.003.000.000	177.810.693.000.000
+ Các khoản nợ của chính phủ và NHNN Việt Nam/Borrowings from the Government and the SBV	2.577.611.000.000	18.028.593.000.000
+ Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả khác/Derivatives and other liabilities	6.768.000.000	0

Chỉ tiêu/Financial indicators	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
	31 tháng 12 năm	31 tháng 12 năm
	2024/Previous period 31 th December 2024	2025/Reporting period 31 st December 2025
+ Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro/Grants, entrusted funds, and loans exposed to risks	1.076.174.000.000	2.412.358.000.000
+ Các khoản nợ khác/Other debts	4.642.639.000.000	6.188.730.000.000
Nợ vay từ phát hành Chứng chỉ tiền gửi/Borrowings from Certificate of deposits issued	16.046.940.000.000	28.548.090.000.000
3. Cơ cấu vốn (lần)/Capital structure (times)		
Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản Debt to Total assets ratio	0,92	0,94
Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu Debt to equity ratio	11,71	16,85
4. Khả năng thanh toán (lần)/Payment capacity (times)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)/Current ratio (Current assets/current liabilities)		
Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn)/Quick ratio (Current assets – Inventories)/(current liabilities)		
Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)/ Interest coverage ratio (earnings before interest and taxes/interest)		
Nam A Bank thực hiện quản lý chỉ tiêu về khả năng thanh toán theo quy định của NHNN với các chỉ tiêu nêu tại mục 8 bên dưới/Nam A Bank manages payment capacity according to the regulations of the State Bank with the indicators stated in section 8 below.		
5. Dư nợ trái phiếu đã phát hành/vốn chủ sở hữu (lần)/ Outstanding bonds issued/equity (times)		
Hệ số tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp/vốn chủ sở hữu Total outstanding corporate bonds/equity ratio	0,21	0,2
Hệ số dư nợ trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ/vốn chủ sở hữu Outstanding privately corporate bonds/equity ratio	0,21	0,16
6. Lợi nhuận (đồng)/Earnings (dong)		
Lợi nhuận/Lỗ trước thuế /Profit before tax	4.545.398.000.000	5.253.534.000.000
Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính/Profit after tax	3.607.093.000.000	4.182.234.000.000

Chỉ tiêu/Financial indicators	Kỳ trước 31 tháng 12 năm 2024/Previous period 31 th December 2024	Kỳ báo cáo 31 tháng 12 năm 2025/Reporting period 31 st December 2025
Lỗ lũy kế (nếu có)/Accumulated losses (if any)	0	0
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%) / Profitability ratios (%)		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản Return on Total Assets ratio	1,55%	1,22%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu Return on Equity ratio	20,61%	19,20%
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành (tổ chức tín dụng) / Financial safety indicators, Capital Adequacy Ratio according to regulations of specialized laws		
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản/Liquidity reserve ratio (tối thiểu 10% theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN)/(minimum 10% as prescribed in Circular No. 22/2019/TT-NHNN)	23,42% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	20,37% (Đáp ứng)/(meet the requirements)
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam/30-day coverage ratio for Vietnamese Dong (tối thiểu 50% theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN)/(minimum 50% as prescribed in Circular No. 22/2019/TT-NHNN)	87,83% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	69,88% (Đáp ứng)/(meet the requirements)
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ/30-day coverage ratio for foreign currencies (tối thiểu 10% theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN)/(minimum 10% as prescribed in Circular No. 22/2019/TT-NHNN)	282,65% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	-181,22% (Đáp ứng)/(meet the requirements)
Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio (tối thiểu 8% theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15)/(Minimum 8% as prescribed in Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15)	12,66% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	11,18% (Đáp ứng)/(meet the requirements)

Chỉ tiêu/Financial indicators	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
	31 tháng 12 năm 2024/Previous period 31 th December 2024	31 tháng 12 năm 2025/Reporting period 31 st December 2025
Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn/Maximum ratio of short-term funds used for medium- and long-term lending. (tối đa 30% theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15)/(Maximum 30% as prescribed in Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15)	22,33% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	23,87% (Đáp ứng)/(meet the requirements)
Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh/Rate of purchase and investment in government bonds and government-guaranteed bonds (tối đa 30% theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN)/(maximum 30% as prescribed in Circular No. 22/2019/TT-NHNN)	5,4% (Đáp ứng)/(meet the requirements)	7,63% (Đáp ứng)/(meet the requirements)

Nguồn:/Source: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025/ Consolidated Financial Statement for 2025

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025 bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:/The opinions about the consolidated financial statement for 2025 by accredited audit organization.

- Tổ chức kiểm toán:/Audit organization: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam/Ernst & Young Vietnam Limited.

- Ý kiến của tổ chức kiểm toán:/Opinion of audit organization:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”/“In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Bank as at 31 December 2025, and of the consolidated income statement and its consolidated cash flow for the year ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for Credit Institutions, and other statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements.”

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./We hereby certify that the information provided above is true, correct and completeness and we bear the full responsibility to the law.



Nơi nhận:/To

- Như Kính gửi;/As the Greetings part;
- Lưu/Archived: TT.TD/ Trading Center,
P.HCQT/Administrative Management Dept.

NGƯỜI LẬP BIỂU/

Tabulator

Phó Giám đốc trung tâm tự doanh/

Deputy Director of Trading Center



Phạm Khắc Nguyễn Anh Tuấn

NGÂN HÀNG TMCP NAM Á/

Nam A Commercial Joint Stock Bank

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/

Deputy Chief Executive Officer



Võ Hoàng Hải

Tài liệu đính kèm:/Attached document:

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025./ Consolidated Financial Statement for 2025.